

Bản án số 302/2024/DS-PT

Ngày 24/9/2024

Về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở, yêu cầu chia
thừa kế, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Tự, Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 30/TBPT-DS ngày 15/02/2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, yêu cầu chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 03/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1791/2024/QĐ-PT ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: vợ chồng ông **Đặng Thành T**, sinh năm 1975 và bà **Lê Thị H**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.

Bị đơn: cụ **Lê K**, sinh năm 1935 (chết ngày 18/3/2024) và cụ **Lê Thị T1**, sinh năm 1945 (vợ cụ **K**); địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, cụ **T1** có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K gồm cụ **Lê Thị T1** là vợ có mặt; các con ông **Lê Văn D** và ông **Lê Văn Đ** vắng mặt, bà **Lê Thị L** có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố **T**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường **P**, thành phố **T**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố **T**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P, có đơn đề nghị xử vắng mặt.
5. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Bà Lê Thị A, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7. Cụ Lê L1, sinh năm 1928 vắng, cụ Trần Thị Q, sinh năm 1934 (chết); địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Q:

7.1. Ông Lê Kim A (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông A gồm anh Lê Văn C, sinh năm 1985; anh Lê Hoàng C1, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, đều vắng mặt.

7.2. Ông Lê H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.3. Ông Lê G, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.4. Ông Lê N, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.5. Ông Lê T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.6. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.7. Bà Lê Thị A, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7.8. Bà Lê Thị S, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh P, vắng mặt.

7.9. Bà Lê Thị H (đồng thời là nguyên đơn);

7.10. Bà Lê Thị A (đồng thời là người liên quan);

8. Bà Lê Thị Q1 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

8.1. Ông Trương Công T4 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955 là vợ; ông Trương Minh T5, sinh năm 1982; ông Trương Minh H2, sinh năm 1986; tất cả cùng địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, đều vắng mặt.

8.2. Bà Trương Thị S1, sinh năm 1948; địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

8.3. Bà Trương Thị S2, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu P, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

9. Bà Lê Thị N2 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: ông Lê Văn C, sinh năm 1970 (địa chỉ: nhà số I, Tổ G, Đường B, H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa); Bà Lê Thị Đ1 (địa chỉ: A Dudas ST W, #320 Toronto Ontario M, Canada), tất cả đều vắng mặt.

10. Ông Lê K1 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: bà Bùi Thị N3 (sinh năm 1944; địa chỉ: Khu phố D, phường P thành phố T, tỉnh P, vắng mặt.

- 10.2. Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 10.3. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1972; địa chỉ: **Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh P**, vắng mặt
- 10.4. Bà **Lê Thị Bích L2**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh P**, vắng mặt.
11. Ông **Lê T6** (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:
- 11.1. Bà **Huỳnh Thị T7**, sinh năm 1947; địa chỉ: **Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh P**, vắng mặt.
- 11.2. Ông **Lê K2**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh P**, vắng mặt.
- 11.3. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 11.4. Ông **Lê Quang Đ2**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 11.5. Bà **Lê Thị T8**, sinh năm 1974; địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 11.6. Bà **Lê Thị G1**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 11.7. Bà **Lê Thị T9**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.
- 11.8. Bà **Lê Thị T10**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh P**, vắng mặt.
12. Bà **Lê Thị C2**, sinh năm 1946; địa chỉ: **Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại Đơn khởi kiện ngày 20/7/2012 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông **Đặng Thành T**, bà **Lê Thị H** trình bày:*

Vợ chồng cụ **Lê L1**, cụ **Trần Thị Q** có 01 căn nhà cấp 4, gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 156,1m² tại **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, được đăng ký tại thửa số 22, tờ bản đồ số 95, hình thức và mục đích sử dụng đất thổ cư riêng, được **Ủy ban nhân dân thành phố T**, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 783974 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00219) ngày 26/5/2011 do cụ **Lê L1**, cụ **Trần Thị Q** đứng tên sử dụng ổn định, không tranh chấp. Ngày 01/8/2011, cụ **Lê L1**, cụ **Trần Thị Q** lập hợp đồng tặng cho toàn bộ căn nhà cấp 4 và các tài sản khác gắn liền quyền sử dụng đất diện tích 156,1m² nêu trên cho bà **Lê Thị A**, được công chứng tại **Văn phòng C**, không ai tranh chấp. Ngày 19/8/2011, **Ủy ban nhân dân thành phố T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 991278 (số vào sổ cấp GCN: CH 00275) đứng tên bà **Lê Thị A**. Ngày 06/9/2011, bà **A** lập hợp đồng chuyển nhượng toàn

bộ nhà đất trên cho ông T, bà H do ông T đứng tên giao dịch, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C. Ngày 11/10/2012, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 991298 (số vào sổ cấp GCN: CH 00331) đứng tên ông Đặng Thành T.

Vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và các con cháu ngang nhiên chiếm giữ nhà, đất và các tài sản khác của ông T, bà H, đồng thời, đưa 01 cái bàn vào giữa nhà và đặt 13 cái nồi om trùm khăn, dán bùa, dùng vũ lực không cho ông T, bà H vào nhà và cho rằng nhà đất này của cụ K, cụ T1. Ủy ban nhân dân phường P đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nay ông T, bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản của ông T, bà H.
- Buộc cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 cùng các con cháu chấm dứt ngang nhiên chiếm giữ nhà đất, đem các tài sản mà họ đem đến ra ngoài.

** Bị đơn cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và cụ Lê K2 (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) thống nhất trình bày:*

Nhà đất ông T, bà H tranh chấp là của vợ chồng cố Lê N4 (chết năm 1988), cố Nguyễn Thị Q2 (chết năm 1969) là cha mẹ cụ Lê Kiểm. Sau khi cha mẹ chết, cụ Lê L1 (anh trai cụ Lê K là một trong các con của cố Lê N4, cố Nguyễn Thị Q2) tháo dỡ nhà cũ xây lại nhà mới khang trang làm nơi thờ cúng nên cụ Lê K đồng ý, khi cụ Lê L1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Lê K không biết. Nay cụ Lê K đề nghị Tòa án công nhận nhà đất tranh chấp là của dòng họ L3, đề nghị Tòa hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng cụ Lê L1, bà Lê Thị A và ông Đặng Thành T và hủy các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng nhà đất, các bên đã ký.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Căn cứ xác nhận của UBND phường P năm 2010 về nguồn gốc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 95, khu phố D, phường P, thành phố T là đất được chế độ cũ cấp tái định cư cho cụ Lê L1 năm 1966, sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch nên UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 783974 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00219) ngày 26/5/2011 cho cụ Lê L1, cụ Trần Thị Q. Tuy nhiên, hiện nay, UBND phường P cho biết việc năm 2010 xác nhận nguồn gốc đất thửa đất số 22 là không đúng quy định của pháp luật về đất đai nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ủy ban nhân dân phường P trình bày:* Theo Sổ đăng ký ruộng đất và Sổ mục kê lập năm 1992 (được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận ngày 15/01/1994) và bản đồ 299 thì thửa đất tranh chấp thuộc địa giới của phường, nhưng Bản đồ 299 không ghi ngày lập, ngày ký; ngoài những tài liệu trên, Ủy ban nhân dân Phường không còn lưu giữ giấy tờ nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 03/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, các Điều 37, 74, 147, 153, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 164, 166, 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106, 166, 167, 168, 169, 170 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đặng Thành T**, bà **Lê Thị H**. Công nhận nhà, đất được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BC 991298, ngày 11/10/2011 là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông **T**, bà **H**.*

*2. Buộc ông **Lê K**, bà **Lê Thị T1** cùng các con cháu của họ chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của ông **T**, bà **H** và mang ra khỏi nhà, đất tất cả những đồ đạc không phải của ông **T**, bà **H** (có bản vẽ nhà, đất kèm theo).*

*3. Về án phí: Bị đơn ông **Lê K**, bà **Lê Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông **Lê K**, bà **Lê Thị T1** đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.*

*Hoàn trả cho ông **Đặng Thành T**, bà **Lê Thị H** 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 07358 ngày 08/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.*

*4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ hiện trạng và định giá tài sản: Chi phí thực tế số tiền 2.000.000 đồng; nguyên đơn ông **T**, bà **H** phải chịu 1.000.000 đồng; bị đơn ông **Lê K**, bà **Lê Thị T1** phải chịu 1.000.000 đồng. Các bên đương sự đã nộp tạm ứng đủ chi phí số tiền 2.000.000 đồng.*

*5. Về chi phí thực tế ủy thác Tư pháp ra nước ngoài đối với bà **Lê Thị Đ1**: Nguyên đơn ông **T**, bà **H** phải chịu 1.200.000 đồng, đã nộp đủ.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2023, bị đơn (cụ **Lê K**, cụ **Lê Thị T1**) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Cụ **Lê K** đã chết ngày 18/3/2024, cụ **T1** và bà **Lê Thị L2** (con hai cụ) giữ nguyên kháng cáo,

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của cụ K, cụ T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn (vợ chồng cụ Lê K và cụ Lê Thị T1) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; cụ Lê K chết ngày 18/3/2024 nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Văn bản ngày 30/8/2024 yêu cầu cụ T1 thông báo cho các con của hai cụ tham gia phiên tòa phúc thẩm để kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê K, tại phiên tòa phúc thẩm cụ T1 và bà Lê Thị L2 (con gái) trình bày sau khi nhận được Văn bản của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì cụ T1 và bà L2 đại diện tham gia tố tụng để kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Kiêm .

Về giải quyết nội dung vụ án:

[2] Vợ chồng cụ Lê L1, cụ Trần Thị Q được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 783974 (số vào sổ cấp GCN: CH 00219) ngày 26/5/2011 đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 95, diện tích 156,1m² tại khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ngày 01/8/2011, cụ Lê L1, cụ Trần Thị Q lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất của thửa 22 và tài sản gắn liền trên đất cho bà Lê Thị A, Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C. Ngày 19/8/2011, bà Lê Thị A được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 991278 (số vào sổ cấp GCN: CH 00275) đối với thửa đất số 22. Ngày 06/9/2011, tại Văn phòng C, bà Lê Thị A lập Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho ông Đặng Thành T. Ngày 11/10/2011, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 991298 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00331) cho ông Đặng Thành T.

[3] Vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Lê Thị C3, ông Lê K2 (con cụ Lê T6), ông Lê Văn D (con cụ Lê K1) cho rằng thửa đất số 22 (có nhà) nêu trên là tài sản do vợ chồng cố Lê N4, cố Nguyễn Thị Q2 tạo lập, cố Lê N4 chết năm 1988 và cố Nguyễn Thị Q2 chết năm 1969 đều không để lại di chúc. Sau khi hai cố chết, cụ Lê L1 là một trong số

các con của 2 cô đứng tên kê khai sử dụng nhà đất của hai cô, Ủy ban nhân dân thành phố T căn cứ xác nhận của UBND phường P năm 2010 về nguồn gốc thửa đất số 22 là đất chế độ cũ cấp tái định cư cho cụ Lê L1 năm 1966, sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch nên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 783974 (số vào sổ cấp GCN: CH 00219) ngày 26/5/2011 cho vợ chồng cô Lê L1, cô Trần Thị Q là không đúng vì sau này UBND phường P đã có ý kiến thay đổi xác nhận năm 2010. Vì vậy, vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án công nhận nhà đất tranh chấp là của dòng họ L3, đề nghị Tòa hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng cụ Lê L1, cho bà Lê Thị A và cho ông Đặng Thành T và hủy các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng nhà đất, các bên đã ký.

[4] Xét, thửa đất số 22 do vợ chồng cụ Lê L1, cụ Lê Thị Q1 quản lý, sử dụng và hai cụ được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/2011; ngày 01/8/2011 hai cụ tặng cho bà Lê Thị A, bà A được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2011. Ngày 06/9/2011, tại Văn phòng C, bà Lê Thị A lập Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho ông Đặng Thành T và ngày 11/10/2011 ông Đặng Thành T được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 991298 (số vào sổ cấp GCN: CH 00331) đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 95, diện tích 156,1m², tọa lạc tại khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; như vậy, ông Đặng Thành T là người thứ ba ngay tình nhận chuyển nhượng nhà đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Thành T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng nguồn gốc tài sản do vợ chồng cô Lê N4, cô Nguyễn Thị Q2 tạo lập để lại nên là di sản của hai cô thì thấy cô Lê N4 chết năm 1988, cô Nguyễn Thị Q2 chết năm 1969 đến nay thời hiệu khởi kiện về thừa kế 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế đã hết nên di sản thuộc về người quản lý di sản là cụ Lê L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đặng Thành T, bà Lê Thị H buộc vợ chồng cụ Lê K, cụ Lê Thị T1 cùng các con, cháu chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của vợ chồng ông T, bà H và mang ra khỏi nhà đất của ông T, bà H tất cả những đồ đạc không phải của ông T, bà H là đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng cụ K, cụ T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vợ chồng cụ K, cụ T1 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 03/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Cụ **Lê K**, cụ **Lê Thị T1** mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại 02 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000370 và số 0000371 ngày 18/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân